**CHƯƠNG 1:**

1. **MỤC TIÊU**

*Về kiến thức*:

Cung cấp cho sinh viên lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng trong 15 năm đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945).

*Về tư tưởng*:

Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng vô sản - sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Về kỹ năng*:

Trang bị cho thế hệ trẻ phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan từ lịch sử, góp phần nâng cao năng lực tư duy, nhận thức đúng đắn về chính trị-xã hội trong điều kiện lịch sử mới hiện nay.

1. **CẤU TRÚC**

### I . ĐCSVN RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN

**II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

1. **NỘI DUNG**

### I . ĐCSVN RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN

### 1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của ĐCSVN

**a.Bối cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX**

***\* Sự chuyển biến của CNTB và hậu quả của nó***

- CNTB chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (ĐQCN).

- Bản chất của CNĐQ là chiến tranh, là xâm lược thuộc địa.

- Các nước đế quốc lớn như: Mỹ, Anh, Pháp… đã xâm chiếm hầu hết các nước nhỏ, yếu trên thế giới và biến các nước này thành thuộc địa của họ (70% dân số thế giới hoặc chịu ảnh hưởng hoặc nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân).

- Cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX, Châu Phi và Châu Á là đối tượng xâm lược chủ yếu của CNTB Phương Tây. Sự xâm chiếm, khai thác, nô dịch và thống trị thuộc địa tàn bạo của CNĐQ làm cho:

+ Đời sống nhân dân các nước thuộc địa trở nên cùng cực.

+ Quan hệ xã hội của các nước thuộc địa bị thay đổi căn bản, các nước thuộc địa bị cuốn vào con đường tư bản thực dân.

+ Mâu thuẫn giữa các nước xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ (2 mâu thuẫn chủ yếu: Đế quốc với đế quốc; thuộc địa với đế quốc), sự phản ứng của các nước thuộc địa ngày càng gay gắt.

+ Chống CNĐQ, giành độc lập cho các dân tộc thuộc địa trở thành một nội dung lớn của phong trào cách mạng thế giới, nhất là các nước châu Á, trong đó có Việt Nam.

***\* Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin***

- Vào giữa thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh, cần thiết phải có hệ thống lý luận của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống CNTB. Chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng của ĐCS, có sức ảnh hưởng to lớn, *lay chuyển, lôi cuốn* quần chúng nhân dân, những thành phần ưu tú, tích cực ở những nước tự thuộc địa vào phong trào cộng sản.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là một tiền đề lý luận dẫn tới sự ra đời của ĐCS, đã chỉ rõ: Muốn giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh, giai cấp công nhân phải lập ra ĐCS để đáp ứng yêu cầu khách quan trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống áp bức bóc lột.

- Tư tưởng về ĐCS của chủ nghĩa Mác-Lênin đã ảnh hưởng to lớn, trực tiếp đến phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và sự hình thành các tổ chức cộng sản quốc tế như: Quốc tế I (1864-1872), Quốc tế II (1880-1914), Quốc tế III (1919); đồng thời là một trong những cơ sở quan trọng dẫn tới sự ra đời của các ĐCS ở nhiều nước trên thế giới.

***\* Tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản***

*Cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga ( 7-11-1917)*:

- Đã làm biến đổi căn bản tình hình thế giới. Nó không chỉ tác động sâu sắc đến phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản, mà còn lan toả sâu rộng tới các nước thuộc địa, cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên tự giải phóng mình.

- Làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước TBCN Phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa Phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung- CNĐQ.

- Là bằng chứng chứng minh rằng chủ nghĩa Mác- Lênin đã trở thành hiện thực và được truyền bá rộng rãi.

*Sự ra đời của Quốc tế Cộng sản III (3-1919):*

- Thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- Dẫn đến sự ra đời của hàng loạt các ĐCS: ĐCS Mỹ (1919), ĐCS Anh, Pháp (1920), ĐCS Trung Quốc, ĐCS Mông Cổ (1921)…

- Tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920), *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được công bố. *Luận cương* đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng cho các dân tộc bị áp bức.

**b. Hoàn cảnh trong nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX**

***\* Chính sách thống trị của thực dân Pháp ở Việt Nam***

- 1/9/1858, thực dân Pháp chính thức nổ súng vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), vũ trang xâm lược nước ta. Trước sự xâm lược của phương tây, triều Nguyễn lần lượt ký các hiệp ước, cuối cùng là hiệp ước Patonot, VN trở thành thuộc địa của Pháp. Thực dân pháp đã thi hành chính sách thống trị ở VN trên các phương diện:

*Về chính trị*

*-* Thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế điển hình:

+ Đàn áp các phong trào và hành động yêu nước, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ.

+ Cai trị trực tiếp bằng hệ thống chính quyền do người Pháp nắm, đồng thời vẫn duy trì chính quyền phong kiến và tay sai làm chỗ dựa, mọi quyền hành đều trong tay người Pháp.

+ Dùng chính sách chia để trị. Thực dân Pháp chia rẽ ba nước Đông Dương, xoá tên Việt Nam, Lào, Campuchia trên bản đồ chính trị thế giới, lập ra xứ Đông Dương thuộc Pháp. Ở Việt Nam, Pháp thực hiện chia rẽ giữa ba kỳ và chia rẽ người Kinh với các dân tộc khác; giữa miền xuôi - miền núi; giữa các tôn giáo...

*Về kinh tế*

*-* Thi hành chính sách kinh tế phản động, bóc lột nặng nề:

+ Một mặt duy trì phương thức sản xuất phong kiến lạc hậu. Mặt khác, thiết lập một cách hạn chế phương thức sản xuất TBCN, để dễ bề bóc lột.

+ Thực hiện chính sách độc quyền, đặc biệt trong các ngành kinh tế cho lợi nhuận cao: độc quyền xuất nhập khẩu, khai thác dầu mỏ, giao thông, ngân hàng, cho vay nặng lãi, muối, rượu, thuốc phiện…

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá cho tư bản chính quốc và biến nền kinh tế Việt Nam trở thành phụ thuộc.

+ Vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động bằng nhiều hình thức thuế khoá nặng nề, vô lý.

*Tóm lại*, chúng kìm hãm nền kinh tế Việt Nam trong vòng lạc hậu, làm cho kinh tế nước ta bị phụ thuộc và phát triển què quặt.

*Về văn hoá*

- Kìm hãm, nô dịch về văn hoá. Sử dụng chính sách “ Ngu dân dễ trị”:

+ Khuyến khích văn hoá độc hại, xuyên tạc lịch sử và giá trị văn hóa Việt Nam, gây tâm lý “vong bản tự ti”.

+ Bưng bít, ngăn cản ảnh hưởng văn hoá tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam.

+ Dùng rượu cồn, thuốc phiện… ru ngủ các tầng lớp nhân dân, phát triển mê tín dị đoan.

*• Tóm lại*, dưới danh nghĩa những người đi khai hoá văn minh, thực dân Pháp đã thực hiện ở Việt Nam một chế độ cai trị hà khắ*c*, nhằm nô dịch nhân dân ta về chính trị, văn hoá và bóc lột về kinh tế. Mặc dù vậy, sự thống trị của người Pháp từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX về khách quan đã tạo nên sự chuyển biến xã hội, giai cấp của Việt Nam

***\*Hậu quả của chính sách cai trị của Pháp***

*Sự phân hóa xã hội:* Xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc, kết cấu giai cấp thay đổi:

*-* Giai cấp nông dân:

+ Là giai cấp đông đảo nhất, chiếm tới hơn 90%, dân số.

+ Bị bóc lột nặng nề, bần cùng hoá và phân hoá sâu sắc, mang mối thù sâu nặng với đế quốc và phong kiến.

+ Tuy vậy, đây là giai cấp đại diện cho một phương thức sản xuất lạc hậu, manh mún, trình độ nhận thức hạn chế, nên không thể tự vạch ra đường lối đúng đắn để tự giải phóng và không thể lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhưng họ là lực lượng đông đảo, không thể thiếu và cực kỳ quan trọng, là động lực chủ yếu của cách mạng và chỉ khi đi cùng với giai cấp tiên tiến hơn mới phát huy được sức mạnh tiềm tàng của mình.

- Giai cấp địa chủ, phong kiến

Những thế kỷ trước, giai cấp này đã có vai trò nhất định đối với lịch sử dân tộc. Nhưng từ thế kỷ XVII trở đi, giai cấp này đánh mất dần vai trò lịch sử của mình bằng sự thoả hiệp và cấu kết làm tay sai cho thực dân Pháp xâm lược. Dưới ảnh hưởng của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, giai cấp địachủ, phong kiến chia làm hai bộ phận:

+ Tầng lớp trên:

Được thực dân Pháp dung dưỡng, tiếp sức.

Bộc lộ rõ bộ mặt phản động, làm tay sai cho thực dân Pháp, ra sức bóc lột nông dân, kìm hãm sự phát triển của LLSX trong nước, không có ý thức dân tộc.

Đây là đối tượng của cách mạng, cần phải đánh đổ.

+ Địa chủ vừa và nhỏ:

Bị đế quốc chèn ép.

Có lòng yêu nước, nên có thể lôi kéo họ đi theo cách mạng.

Đây là lực lượng cách mạng có điều kiện, đấu tranh trong chừng mực nhất định.

*-* Giai cấp tư sản

Ra đời muộn, trong chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, trước chiến tranh chỉ là một bộ phận nhỏ. Cũng bị phân hóa thành hai bộ phận:

+ Tư sản dân tộc:

Có tiềm lực kinh tế nhỏ, do có quyền lợi kinh tế, chính trị mâu thuẫn với đế quốc; hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, chế biến, hải sản...

Bị đế quốc chèn ép, phong kiến căm ghét.

Căm ghét đế quốc, có tinh thần dân tộc, dân chủ khá cao

Nhưng có thái độ hai mặt: một mặt, có tinh thần cách mạng, chống đế quốc, phong kiến, tán thành độc lập dân tộc. Mặt khác, có tư tưởng cải lương.

Đây là lực lượng cách mạng có điều kiện.

+ Tư sản mại bản

Là bộ phận có quyền lợi kinh tế, chính trị gắn chặt với thực dân, đế quốc, nên chúng là kẻ thù của dân tộc.

**-** Tiểu tư sản

*+* Bao gồm trí thức, học sinh, sinh viên, tiểu thương, tiểu chủ, thầy khoá, thầy thông, thầy ký, giáo chức, những người buôn bán nhỏ….

+ Họ có cuộc sống bấp bênh, luôn bị thực dân chèn ép, bóc lột.

+ Nhưng họ có sự nhạy bén về chính trị, nhạy cảm với cái mới, cái tiến bộ, hăng hái tham gia cách mạng

+ Có tinh thần dân tộc cao, khát khao độc lập, tự do.

+ Nhưng họ chỉ là tầng lớp trung gian trong kết cấu xã hội mới; dao dộng trước khó khăn, kém bền bỉ, có hạn chế dễ thoả hiệp, lập trường giai cấp không vững vàng, dễ thay đổi.

+ Đây là lực lượng đồng minh quan trọng của cách mạng.

*-* Giai cấp công nhân

+ Giai cấp này ra đời do chính sách khai thác thuộc địa của thực Pháp, phát triển nhanh sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Họ xuất thân chủ yếu từ nông dân, bị bần cùng hoá, bị cướp ruộng đất, xô đẩy vào con đường không lối thoát, phải bán sức lao động.

+ Ngoài đặc điểm chung của giai cấp công nhân thế giới, họ còn có đặc điểm riêng, đặc trưng của giai cấp công nhân Việt Nam:

Ra đời trước giai cấp tư sản. Chịu ba tầng áp bức. Phần lớn xuất thân từ giai cấp nông dân, có quan hệ mật thiết, máu thịt với nông dân nên dễ hình thành liên minh công- nông. Vừa là người dân mất nước, vừa là người làm thuê. Sinh ra và lớn lên ở đất nước giàu truyền thống yêu nước. Đây là đội quân chủ lực của cách mạng.

*Tính chất và mâu thuẫn của xã hội thuộc địa Việt Nam*

- Tính chất xã hội thay đổi:

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã chuyển biến sâu sắc: từ một xã hội phong kiến độc lập đã trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

- Mâu thuẫn xã hội thay đổi:

+ Hình thành mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.

+ Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân VN, trong đó chủ yếu là nông dân và địa chủ phong kiến.

+ Hai mâu thuẫn đó gắn chặt với nhau, trong đó mâu thuẫn bao trùm, gay gắt, cơ bản, chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với thực dân Pháp và tay sai. Thái độ, vị trí các giai cấp ở Việt Nam đều bị mâu thuẫn này chi phối.

**2. Các phong trào yêu nước ở VN cuối thế kỷ XIX đầu XX**

***a. Phong trào theo khuynh hướng phong kiến***

*- Phong trào Cần Vương (1885-1896):*

+ 5-7-1885, Thượng thư bộ binh Tôn Thất Thuyết đánh toà khâm sứ Trung Kỳ. Bị thất bại, ông đưa vua Hàm Nghi lên vùng núi Tân Sở, Quảng Trị.

+ Tại đây, ngày 13-7-1885, nhà Vua xuống chiếu Cần Vương. Phong trào “Phò vua, cứu nước” nhanh chóng lan ra nhiều vùng ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

+ Ngày 1-11-1885, Vua bị bắt, nhưng phong trào yêu nước còn kéo dài đến đầu thế kỷ XIX.

*- Khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1884-1913):*

+ Phong trào diễn ra dưới sự lãnh đạo của người anh hùng áo vải Hoàng Hoa Thám, ở vùng rừng núi Yên Thế- địa bàn trọng yếu về mặt quân sự. Phong trào kéo dài gần 30 năm, song cũng không giành được thắng lợi

*+ Kết luận*: Mặc dù chiến đấu rất anh dũng, nhưng cuối cùng các phong trào đều bị dập tắt. Sự thất bại này chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến không thể giúp nhân dân ta thoát khỏi kiếp nô lệ và hoàn toàn bất lực trước nhiệm vụ của lịch sử đề ra.

**b. *Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản***

**-** *Khuynh hướng bạo động* - Phan Bội Châu khởi xướng và lãnh đạo

+ Phong trào Đông Du (1906-1908):

Tháng 5-1905, lập ra Duy Tân hội, chủ trương xây dựng chế độ quân chủ lập hiến như Nhật Bản.

Năm 1906, mưu cầu ngoại viện Nhật Bản, tổ chức phong trào Đông Du, đưa thanh thiếu niên Việt Nam sang du học tại Nhật để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

Chẳng bao lâu sự việc không thành (1908), Nhật câu kết với Pháp trục xuất tất cả, cả Phan Bội Châu. Phong trào cơ bản chấm dứt

*Tóm lại*, hạn chế lớn của ông là chủ trương dựa vào Nhật để đánh Pháp, chẳng khác gì “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”.

+ Việt Nam Quang phục Hội (1912):

Cách mạng Tân Hợi nổ ra, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn ảnh hưởng đến Phan Bội Châu. Ông chuyển sang lập trường dân chủ tư sản, lập ra Việt Nam Quang phục hội (5-1912) để chống Pháp.

Phan Bội Châu chủ trương đẩy mạnh hoạt động vũ trang, lấy ám sát cá nhân làm chính, song thiếu cơ sở trong quần chúng, bộc lộ tính phiêu liêu.

Phan Bội Châu bị bắt và bị giam giữa đến 1916. Hoạt động của Hội lắng xuống, sau chiến tranh thế giới thứ nhất mới khôi phục trở lại, nhưng chỉ gây nên một số cuộc bạo động lẻ tẻ ở từng địa phương

***-*** *Khuynh hướng duy tân*: Do Phan Châu Chinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đứng đầu.

***+*** Phong trào Duy Tân (1906-1908):

Phan Châu Chinh là người cùng thời với Phan Bội Châu, sĩ phu ở Quảng Nam. Ông giương cao ngọn cờ, dân chủ và cải cách văn hoá - xã hội, chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, động viên lòng yêu nước, đả kích bọn vua quan phong kiến thối nát.

Phản đối vũ trang bạo động chống Pháp, “bạo động là chết, bạo động là tắc tử”.

*Tóm lại*, hạn chế của ông là dựa vào Pháp chống chính quyền tay sai, kêu gọi Pháp cho phép thực hiện những cải cách dân chủ, “chẳng khác nào xin giặc rủ lòng thương”, không thấy được chính quyền tay sai chỉ là công cụ trong tay thực dân Pháp. Trong hoạt động của Duy Tân toát lên tư tưởng cải lương. Tuy vậy, thực dân Pháp vẫn bắt ông và đàn áp phong trào.

+ Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907):

Do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lãnh đạo.

Phong trào diễn ra khá sôi nổi, dưới các hình thức tuyên truyền cải cách văn hoá - xã hội, bài trừ mê tín dị đoan, tuyên truyền cho việc học chữ quốc ngữ.

Thực dân Pháp lo sợ, coi Đông Kinh Nghĩa Thục là lò phiến loạn, thẳng tay đàn áp, đóng cửa các trường, bắt chí sĩ yêu nước, tịch thu tài liệu.

- *Phong trào quốc gia cải lương của tầng lớp tiểu tư sản thành thị và địa chủ lớp trên***:**

+ Năm 1919, phong trào tẩy chay Hoa kiều, bài trừ hàng hoá ngoại, chấn hưng hàng nội hoá, với khẩu hiệu: “Người Việt Nam không mang vàng đi đổ sông Ngô”, “Người Việt Nam mua hàng Việt Nam”.

+ Năm 1923, phong trào chống độc quyền xuất khẩu gạo ở cảng Sài Gòn của Pháp.

+ Cuộc đấu tranh chống độc quyền nước mắm (1920-1926).

+ Cuộc đấu tranh đòi mở rộng các quyền tự do, dân chủ, tham gia các hoạt động chính trị. Tiêu biểu là Đảng Lập hiến của Bùi Quang Chiêu (1923). Tổ chức này dựa vào quần chúng, nên cũng gây được ảnh hưởng chính trị. Những năm sau đó, khi thực dân Pháp ban cho một số quyền lợi, thì Đảng này đã ngả theo, rồi đi đến cộng tác với đế quốc.

**-** *Phong trào yêu nước dân chủ công khai:*

+ Những phần tử tiểu tư sản yêu nước khác tập trung trong những tổ chức như “Tâm Tâm xã” (1923), “Việt Nam nghĩa hoà Đoàn” (1925), “Hội phục Việt” (1925), “Đảng Thanh niên” (1926).

+ Họ xuất bản một số tờ báo tiến bộ như “Chuông rè”. “L’ Annam”, “Nước Annam trẻ”, với một loạt các nhà xuất bản như: Nam đồng thư xã, Cường học thư xã…

+ Thông qua sách báo để tuyên truyền tư tưởng yêu nước và lập trường chính trị của mình.

*- Phong trào cách mạng quốc gia tư sản:*

+ Gắn liền với hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng.

+ Ra đời ngày 25-12-1927. Tiền thân là Nam đồng thư xã.

+ Lãnh tụ: Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài.

+ Thành phần: Công chức, hào lý, địa chủ, binh lính trong quân đội...

+ Tư tưởng chính: Đánh đổ thực dân Pháp, phá bỏ ngôi vua, thành lập chính quyền của người Việt Nam*.*

+ Địa bàn hoạt động: Đồng bằng, trung du Bắc Bộ.

+ Tiến hành các hoạt động ám sát và bị thực dân Pháp đàn áp. Họ đứng trước hai sự lựa chọn: Hoặc đứng yên cho thực dân Pháp đàn áp, hoặc khởi nghĩa. Họ chọn giải pháp thứ hai với khẩu hiệu “Không thành công cũng thành nhân”. Dự định tổ chức khởi nghĩa ở ba nơi: Hải Phòng, Phú Thọ, Yên Bái. Nhưng cuối cùng, khởi nghĩa chỉ xảy ra ở Yên Bái vào ngày 9-2-1930 và nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp.

+ Phong trào thất bại, chấm dứt vai trò của giai cấp tư sản.

*Tóm lại*, tất cả những cuộc đấu tranh này đều thể hiện mâu thuẫn, sự xung đột về quyền lợi của giai cấp tư sản Việt Nam với các thế lực tư bản Pháp và nước ngoài.

Qua các phong trào trên, giai cấp tư sản Việt Nam đã nói lên tiếng nói của giai cấp mình và phần nào thể hiện tinh thần dân tộc.

Những phong trào trên mặc dù thất bại, nhưng đã góp phần thức tỉnh và cổ vũ lòng yêu nước của nhân dân ta, tạo ra những nhận thức mới, thể hiện ý chí mới, tiến bộ hơn so với các phong trào ý thức hệ phong kiến trước đây. Đồng thời, nó cũng cho thấy, các phong trào chưa tiếp cận được xu thế của thời đại mới, thiếu đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn, nên đã không tìm ra con đường cứu nước - con đường giành độc lập triệt để, lấy sức ta mà tự giải phóng cho ta. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước lúc này đang diễn ra sâu sắc.

**c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản**

***\* Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc***

- Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành quyết ra đi tìm đường cứu nước.

- 1911-1916: Nguyễn Tất Thành đi qua nhiều nước, qua nhiều thuộc địa, với các châu lục khác nhau, khảo nghiệm cách mạng trên hai phương diện lý luận và thực tiễn.

- 1917: Chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga.

- Đầu năm 1919: Ra nhập Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ nhất ở Pháp lúc đó. Tháng 6-1919, gửi đến Hội nghị Hội nghị Vecxay (Pháp) *Bản yêu sách 8 điểm,* đòi những yêu cầu “tối thiểu” và “cấp thiết”. Bản yêu sách đã không được Hội nghị quan tâm đến.

- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. 12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành thành lập ĐCS Pháp và gia nhập Quốc tế III.

*Những bước phát triển trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc*

- 1911- 1916: Ra đi với xuất phát điểm là chủ nghĩa yêu nước, qua nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc rút ra những kết luận mang tính nền tảng cho nhận thức và hành động:

+ Nhận thức rõ bạn – thù.

+ Nhận ra hạn chế của các nhà yêu nước đương thời ở Việt Nam.

+ Tìm ra hạn chế của cách mạng dân chủ tư sản là những cuộc cách mạng không giải phóng được công nông và quần chúng lao động.

- 1917-1920: Dưới tác động của hàng loạt sự kiện (Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, *Bản yêu sách 8 điểm* bị từ chối, đọc được *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin…), Nguyễn Ái Quốc tiếp tục rút ra hàng loạt những kết luận quan trọng, mang tính đột phá về chất:

+ Cách mạng vô sản là là cuộc cách mạng triệt để nhất (1917).

+ Các dân tộc muốn được độc lập tự do thực sự phải trông cậy trước hết vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng mình (1919).

+ Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác, ngoài con đường cách mạng vô sản (7-1920).

- 12-1920, khi bỏ phiếu tán thành thành lập ĐCS Pháp và gia nhập Quốc tế III, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

*Như vậy*, sau 10 năm tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã chọn con đường giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác- Lênin, do giai cấp công nhân lãnh đạo, gắn liền với quý đạo của cách mạng vô sản. Đó là con đường độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

**b. Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN**

Sau khi tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, hệ thống quan điểm về cách mạng giải phóng dân tộc về nước, chuẩn bị những điều kiện cho việc thành lập Đảng.

***\*Hệ thống quan điểm về cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc những năm 20 (XX)***

Hệ thống quan điểm và lý luận về “Đường cách mệnh” thể hiện khá hoàn chỉnh qua các tác phẩm, bài viết của Người trong chặng đường hoạt động từ năm 1921 đến 1927. Nội dung hệ thống quan điểm đó là:

- Vạch rõ bản chất phản động của chủ nghĩa thực dân. Từ đó xác định, chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, là kẻ thù trực tiếp của nhân dân các nước thuộc địa.

- Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận cách mạng của thời đại cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động và giai cấp công nhân.

- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và cách mạng ở “chính quốc” có quan hệ khăng khít với nhau. Phải thực hiện liên minh chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng ở thuộc địa và “chính quốc”. Cách mạng thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở “chính quốc”, mà có tính chủ động, độc lập và nó có thể thành công trước cách mạng ở “chính quốc”.

- Cách mạng ở thuộc địa trước hết là giải phóng dân tộc, sau đó mở đường tiến lên giải phóng hoàn toàn lao động, giải phóng con người, tức là làm cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên cách mạng XHCN.

- Về lực lượng cách mạng: “công nông là người chủ cách mệnh”, “là gốc cách mệnh”; công nhân là giai cấp lãnh đạo, tiểu tư sản trí thức là bạn đồng minh của cách mạng.

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Quần chúng cần được giác ngộ và tổ chức lại thành đội ngũ vững bền; hiểu biết tình thế, “có mưu chước”.

- Phải thực hiện liên minh, đoàn kết với các lực lượng cách mạng quốc tế; phải nêu cao tính chủ động cách mạng, ý thức tự lực, tự cường.

- Cách mạng muốn thắng lợi phải có đảng lãnh đạo. Đảng muốn vững phải có học thuyết cách mạng, đó là học thuyết Mác - Lênin, phải biết vận dụng đúng đắn học thuyết đó vào cách mạng Việt Nam.

*Tóm lại*, đây là hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng ở thuộc địa khá cơ bản và hoàn chỉnh. Những quan điểm cách mạng trên đây chính là sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho ĐCS ra đời, định hướng cho cách mạng Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo.

***\*Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6-1925)***

- Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên,* xuất bản báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận.

- Hội tiến hành đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng và xây dựng hệ thống tổ chức trong nước, chuẩn bị tích cực cho việc thành lập ĐCS ở Việt Nam.

- Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồng thời đấu tranh chống lại các quan điểm phi mac-xit. Lập trường giải phóng dân tộc đúng đắn của Hội đã thắng lập trường giải phóng dân tộc tư sản, giáo dục, giác ngộ nhiều người yêu nước chân chính đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhanh chóng phát triển (năm 1928 có 300 hội viên, năm 1929 đã tăng tới 1.700 hội viên) và phát triển ở nhiều trung tâm kinh tế - chính trị quan trọng.

- Hoạt động truyền bá chủ nghĩa chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh của Hội đã có tác dụng tích cực, làm dấy lên một phong trào đấu tranh ngày càng mạnh mẽ ở Việt Nam, đặc biệt là phong trào công nhân.

*Như vậy*, qua quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chủ nghĩa Mác-Lênin đã được truyền bá ngày càng sâu rộng vào Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào hoàn cảnh thực tiễn của các nước thuộc địa để xây dựng một chiến lược giải phóng dân tộc. Đây là cơ sở để hình thành cương lĩnh cách mạng của ĐCSVN sau này.

**\* *Sự phát triển của phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản và các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời***

**- Phong trào công nhân chuyển sang tự giác**

Từ năm 1920-1925, đã nổ ra 25 cuộc bãi công của công nhân, tiêu biểu là những phong trào sau:

+ Năm 1919, bãi công của thuỷ thủ tàu Sácnô đang đậu ở cảng Hải Phòng đòi tăng lương và phản đối việc đưa lính Việt Nam sang đàn áp nhân dân Xyri.

+ Năm 1920, hơn 200 thuỷ thủ của 5 chiếc tàu Pháp đang buông neo ở cảng Sài Gòn đã bãi công đòi phụ cấp đắt đỏ.

+ Năm 1921, *Liên đoàn công nhân tàu biển ở Viễn Đông* đã được thành lập. Công nhân Việt Nam làm việc trên các hãng tàu của Pháp đã gia nhập tổ chức này. Họ đã góp phần đưa đón cán bộ, tài liệu cách mạng từ nước ngoài về nước.

+ Từ năm 1922, phong trào công nhân có nét mới. Đấu tranh của 600 công nhân nhuộm Sài Gòn - Chợ Lớn. Cuộc đấu tranh này đã tập hợp đông đảo thợ nhuộm của nhiều cơ sở nhuộm. Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá cuộc bãi công đó như là “dấu hiệu của thời đại mới”.

+ Tiêu biểu nhất là cuộc bãi công của 1000 công nhân xưởng Ba Son (Sài Gòn- 8-1925). Cuộc bãi công này gắn liền với sự tổ chức và lãnh đạo của *Công hội* do Tôn Đức Thắng thành lập. Mục đích của cuộc bãi công này là làm chậm việc sửa chữa chiếc tàu Misơlê mà thực dân Pháp chở lính sang đàn áp phong trào cách mạng Trung Quốc. Đây là cuộc đấu tranh đầu tiên có tổ chức lãnh đạo. Hơn thế nữa, cuộc đấu tranh không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế, mà còn nhằm vào mục đích chính trị, thể hiện tình đoàn kết vô sản quốc tế của công nhân Việt Nam. Với tinh thần đó, cuộc bãi công Ba Son vạch một mốc lớn trong phong trào công nhân Việt Nam - giai cấp công nhân Việt Nam bắt đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và mục đích rõ ràng.

- Trong hai năm 1926-1927, có 17 cuộc đấu tranh của công nhân trong cả nước. Tiêu biểu là bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định (7-1926), đồn điền Cam Tiên (12-1926), đồn điền Phú Riềng (tháng 8, 9-1927).

- Năm 1928, Việt Nam cách mạng thanh niên thực hiện chủ trương "vô sản hoá" đưa hội viên của mình vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền trong nước cùng sống và làm việc với công nhân, truyền bá lý luận, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Năm 1928-1929, các cuộc đấu tranh đã thể hiện rõ rệt tinh thần đoàn kết giai cấp, ý thức tổ chức của công nhân.

- Phong trào nông dân đến năm 1927 đã phát triển khá mạnh ở nhiều vùng trong cả nước.

- Phong trào công nhân và phong trào nông dân đã có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau.

***-* Sự ra đời của các tổ chức cộng sản**

Phong trào công nhân cuối những năm 20 phát triển không đồng đều, mạnh nhất là phong trào công nhân ở Bắc Kỳ. Nắm bắt được đòi hỏi của phong trào, những người lãnh đạo trong kỳ bộ Bắc Kỳ nhận ra sự cấp thiết phải thành lập một ĐCS thay cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, để tiếp tục đưa phong trào giải phóng dân tộc tiến lên. Xu thế thành lập một ĐCS đã chín muồi.

- Tháng 3-1929, bảy đồng chí trong kỳ bộ Bắc Kỳ, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên họp tại số nhà 5D Hàm Long (Hà Nội) quyết định thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên.

- Đầu tháng 5-1929, tại Đại hội I của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ đưa ra đề nghị giải tán tổ chức *Thanh niên* và thành lập *ĐCS.* Nhưng đề nghị đó không được chấp nhận, nên Đoàn đã bỏ đại hội ra về.

- Đêm 17-6-1929, 20 đại biểu của Kỳ bộ Bắc Kỳ đã họp tại 312 phố Khâm Thiên tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng.* Hội nghị đã thông qua *Tuyên ngôn*, *Điều lệ* và quyết định xuất bản báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận của Đảng.

- Trước ảnh hưởng sâu rộng của Đông Dương Cộng sản đảng, Tổng bộ Thanh niên và Kỳ bộ Nam kỳ đã quyết định thành lập *An Nam Cộng sản đảng* vào tháng 8-1929, xuất bản báo *Đỏ* làm cơ quan ngôn luận của mình.

- Tháng 1-1930, *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* ra đời từ trong phái cấp tiến của Đảng Tân Việt.

*• Như vậy*, sự ra đời nhanh chóng của các tổ chức cộng sản lúc bấy giờ phản ánh xu thế tất yếu của phong trào cách mạng và ưu thế của hệ tư tưởng cộng sản trong phong trào dân tộc ở Việt Nam. Song sự tồn tại ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập có nguy cơ dẫn đến một sự chia rẽ lớn. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam là phải có một ĐCS thống nhất trong cả nước.

**3. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên**

***a. Hội nghị thành lập Đảng***

\* Ngày 27/10/1929 Quốc tế cộng sản đã gửi cho những người cộng sản Đông Dương tài liệu *Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương,* trong đó chỉ rõ: "Các tổ chức cộng sản phải chấm dứt sự chia rẽ công kích lẫn nhau đồng thời xúc tiến việc hợp nhất thành một chính đảng duy nhất ở Đông Dương". Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã từ Xiêm về Trung Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất thành lập Đảng.

\* Hội nghị diễn ra từ ngày 6/1/1930 đến ngày 7/2/1930 tại Cửu Long ( Hương Cảng -Trung Quốc). Nội dung hội nghị:

+ Quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ tóm tắt và chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Những văn kiện này hợp thành cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

+ Cử ra ban chấp hành trung ương lâm thời

\* Ngày 24/2/1930, Đông Dương cộng sản liên đoàn chính thức gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã hoàn tất việc hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

**b. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

**\* Nội dung của Cương lĩnh**

- ***Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam***: Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

Với phương hướng chiến lược này, cách mạng Việt Nam phải trải hai cuộc vận động: (1). Hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc và giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân; (2). Đi tới xã hội cộng sản. Hai cuộc vận động này liên quan mật thiết với nhau, ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau; cuộc vận động trước thành công tạo điều kiện cho cuộc vận động sau giành thắng lợi. Vì vậy, giữa hai giai đoạn cách mạng này không có bức tường ngăn cách. Đó là đường lối chính trị nhằm hướng vào giải quyết những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến và định hướng phát triển theo nội dung và xu thế của thời đại.

- ***Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng****:* 3 nhiệm vụ chính:

+ **Chính trị**: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng ra chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

+ **Kinh tế**: Quốc hữu hóa toàn bộ tài sản lớn của đế quốc Pháp (như công trình giao thông, nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng…) giao cho chính phủ Công Nông Binh quản lý; Tịch thu toàn bộ ruộng đất của đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo; giảm sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp, nông nghiêp, thực hiện luật ngày làm 8 giờ.

+ **Văn hoá, xã hội**: Dân chúng được tự do tổ chức (như tự do đi lại, hội họp, ngôn luận, báo chí…); thực hiện nam nữ bình đẳng; phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Nhân xét: cuộc cách mang có ba nhiêm vụ nhưng thực chất là giải quyết hai vấn đề cơ bản của cách mang VN, đó là vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc là hàng đầu

-***Lực lượng cách mạng****:*

+ Công nhân và nông dân là lực lượng đông đảo của cách mạng, trong đó, Đảng phải vận động và thu phục được đông đảo công nhân làm cho giai cấp công nhân lãnh đạo được dân chúng; Đảng phải thu phục được đông đảo nông dân, dựa vững vào nông dân nghèo để lãnh đạo họ làm cách mạng ruộng đất.

+ Đảng phải lôi kéo được tiểu tư sản, trí thức, trung nông… đi về phía cách mạng; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam… (nếu chưa lộ măt phản cách mạng). Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ (như Đảng Lập hiến…).

+ Trong khi liên minh với các giai cấp phải thận trọng, không đi vào con đường thoả hiệp với kẻ thù.

***- Lãnh đạo cách mạng***: giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, nhằm giải phóng toàn thể dân tộc VN. “*Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy*”. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

*-* ***Quan hệ quốc tế***: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Đảng phải liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

**\* Ý nghĩa của Cương lĩnh:**

Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng là cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo.

- Đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, thấm đượm tinh thần dân tộc. Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh.

- Là ngọn cờ tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân đưa cách mạng VN giành nhiều thắng lợi

**4. Ý nghĩa Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời**

Năm 1930, ĐCSVN ra đời, cũng là lúc Việt Nam Quốc dân Đảng tan rã. Cùng với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, sứ mệnh lịch sử của giai cấp tư sản kết thúc. Ngọn cờ phản đế, phản phong được chuyển qua tay giai cấp công nhân. ĐCS trở thành người nắm quyền lãnh đạo cách mạng, cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo giữa hai giai cấp vô sản và tư sản kết thúc, mà thắng lợi thuộc về giai cấp vô sản.

- ĐCS ra đời là sản phẩm của lịch sử đấu tranh dân tộc và giải quyết yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam.

- ĐCS ra đời là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo duy nhất của ĐCSVN - một Đảng mác-xít kiên cường, có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, đủ sức đương đầu với mọi kẻ thù và sẽ dẫn dắt dân tộc giành những thắng lợi vẻ vang trong lịch sử dân tộc.

**II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

**1. Phong trào cách mạng 1930-1935**

***a. Phong trào cách mạng năm 1930 – 1931 và Xô Viết Nghệ Tĩnh***

**\* Hoàn cảnh lịch sử**

- Trong thời gian 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những thành quả quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, thì các nước tư bản chủ nghĩa rơi vào một cuộc khủng hoảng kinh tế trên qui mô lớn với những hậu quả nặng nề, làm cho những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

- Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930). Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt.

- Giữa lúc đó Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam.

Tháng 4-1930, Trần Phú từ Liên Xô về nước. Tháng 7-1930, ông được bổ sung vào Ban chấp hành Trung ương lâm thời và tham gia chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương.

\***Nội dung HNTW lần thứ nhất và Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng)**

Từ ngày 14 đến 31-10-1930, Ban chấp hành Trung ương họp hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc), do đồng chí Trần Phú chủ trì

*-* ***Nội dung hội nghị****:*

+ quyết định đổi tên Đảng từ ĐCSVN thành Đảng CSĐD

+ Hội nghị đánh giá Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt do Hội nghị hiệp nhất thông qua đã phạm sai lầm “rất nguy hiểm” vì “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu”, “đặt nhiệm vụ ruộng đất dựa bên nhiệm vụ phản đế”. Vì thế, Hội nghị quyết định "thủ tiêu Chánh cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng" và chỉ rõ: phải dựa và nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, chính sách và kế hoạch của Đảng “làm căn bổn mà chỉnh đốn nội bộ, làm cho Đảng Bônsơvích hoá”.

*-* ***Nội dung Luận cương****:*

+ Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

+ Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”, “*có tính chất thổ địa và phản đế*”. Sau đó sẽ tiếp tục “*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*”.

+ Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải “*tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tiền tư bổn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để*” và “*đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*”. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: “… *có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa*”. Luận cương nhấn mạnh: “*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

+ Lực lượng cách mạng: Giai cấp công nhân và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền.

+ Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”. Đến lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

+ Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng cộng sản có một đường chánh trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”.

+ Đoàn kết quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa .

***- Hạn chế của luận cương****:*

+ Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng. Tuy nhiên, Luận cương đã không vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất; không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai. Nguyên nhân của những hạn chế đó là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản anh em trong thời gian đó.

+ Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

**\* Diễn biến, kết quả và kinh nghiệm của cao trào cách mạng:**

- Từ tháng 1 đến tháng 5-1930, phong trào dấu tranh của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy… Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương, đặc biệt là hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Tháng 9-1930, *phong trào* cách mạng phát triển đến đỉnh cao thành *cao trào* cách mạng với những hình thức đấu tranh ngày càng quyết liệt. Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức đảng lãnh đạo ban chấp hành nông hội ở thôn, xã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn, thực hiện chuyên chính với kẻ thù, dân chủ với quần chúng nhân dân, làm chức năng, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thức các uỷ ban tự quản theo kiểu Xôviết.

- Sau hội nghị Trung ương lần thứ nhất vào cuối năm 1930, một mặt, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cưỡng bức dân cày ra đầu thú, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận... Mặt khác, do ảnh hưởng bởi chủ trương “thanh trừng” của Xứ ủy Trung Kỳ dẫn đến hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Toàn bộ Ban chấp hành Trung ương Đảng bị bắt, không còn lại một uỷ viên nào “Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết”.

- Tuy bị đế quốc và tay sai dìm trong biển máu, nhưng cao trào cách mạng 1930 - 1931 là sự kiện có ý nghĩa quyết định đến tiến trình phát triển về sau của cách mạng Việt Nam. Nó đã khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình… Cao trào bước đầu tạo ra trận địa và lực lượng cách mạng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước

- Cao trào cũng để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu: kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang…

***b. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng 1932-1935***

- Do bị tổn thất nặng nề, cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ. Tháng 1-1931, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra *Thông cáo về việc đế quốc Pháp buộc dân cày ra đầu thú*, vạch rõ thủ đoạn của kẻ thù và đề ra các biện pháp hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

- Trong khi thực dân Pháp khủng bố ngày càng dữ dội, tư tưởng hoang mang dao động xuất hiện trong quần chúng và cả một số đảng viên. Trong hoàn cảnh đó, Xứ ủy Trung Kỳ đã đề ra chủ trương “thanh trừ trí, phú, địa, hào, đào tận gốc trốc tận rễ”. Tháng 5-1931, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị nghiêm khắc phê phán chủ trương sai lầm về thanh Đảng của xứ ủy Trung kỳ và vạch ra phương hướng xây dựng Đảng.

- Trong nhà tù đế quốc, các đảng viên của Đảng nêu cao khí tiết người cộng sản, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Tổng Bí thư Trần Phú trước lúc hy sinh còn căn dặn các đồng chí của mình “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!”. Nằm trong xà lim án chém, Nguyễn Đức Cảnh vẫn viết tổng kết công tác vận động công nhân… Những đảng viên cộng sản trong các nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), Vinh, Hải Phòng, Côn Đảo… bí mật thành lập nhiều chi bộ để lãnh đạo đấu tranh chống khủng bố, chống chế độ nhà tù hà khắc, đòi cải thiện sinh hoạt…

- Nhiều chi bộ nhà tù tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên về lý luận Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng, kinh nghiệm vận động cách mạng; tổ chức học văn hóa, ngoại ngữ v.v… Nhiều tài liệu huấn luyện đảng viên được biên soạn ngay trong tù như: *Chủ nghĩa duy vật lịch sử , Gia đình và Tổ quốc, Lịch sử tóm tắt ba tổ chức quốc tế* (chủ yếu là Quốc tế Cộng sản), *Những vần đề cơ bản của cách mạng Đông Dương*. Một số tác phẩm của chủ nghĩa Mác-Lênin như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Làm gì? Bệnh ấu trĩ “tả” khuynh trong phong trào cộng sản, Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ*… được dịch tóm tắt ra tiếng Việt.

- Các chi bộ đảng trong nhà tù còn ra báo bí mật để phục vụ việc học tập và đấu tranh tư tưởng. Ở nhà tù Hỏa Lò có các tờ báo *Đuốc đưa đường* và *Con đường chính*. Ở Côn Đảo có báo *Người tù đỏ* và tạp chí *Ý kiến chung*.

- Đầu năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong cùng một số đảng viên tổ chức ra Ban lãnh đạo Trung ương, công bố *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương*, và các chương trình hành động của Công hội, Nông hội, Thanh niên cộng sản đoàn…

*- Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* (15-6-1932) vạch ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt để khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng, đặc biệt cần phải “gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu”

- Các tổ chức cơ sở của Đảng lợi dụng những hình thức tổ chức hợp pháp như các hội cày, cấy, gặt hái, đá bóng, đọc sách báo, hiếu hỷ để tập hợp quần chúng, làm cho phong trào đấu tranh được nhen nhóm lại. Một số đảng viên cộng sản tranh thủ khả năng hoạt động hợp pháp để tham gia cuộc tranh cử vào hội đồng thành phố Sài Gòn trong những năm 1933-1935, lợi dụng diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng. Trên báo chí hợp pháp, một số đảng viên còn tiến hành cuộc đấu tranh về quan điểm triết học và quan điểm nghệ thuật.

- Đầu năm 1934, theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng cộng sản Đông Dương được thành lập, hoạt động như một ban chấp hành trung ương lâm thời.

- Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng được phục hồi. Đó là cơ sở để tiến tới Đại hội lần thứ nhất của Đảng.

- Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra ba nhiệm vụ trước mắt: 1- Củng cố và phát triển Đảng, 2- Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng, 3- Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô và ủng hộ cách mạng Trung Quốc… Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng và các nghị quyết về vận động quần chúng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935) vẫn chưa đề ra một chủ trương chiến lược phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và tập hợp lực lượng toàn dân tộc. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ I đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

**2. Phong trào vận động dân chủ 1936-1939**

**\* *Điều kiện lịch sử***

- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đa làm cho mâu thuẫn ở các nước trở nên sâu sắc, chủ nghĩa phát xít xuất hiện muốn gây chiến tranh để chia lại thị trường thế giới và đe doạ nền hoà bình và an ninh quốc tế.

- Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Mátxcơva (7-1935):

+ Xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít.

+ Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

- Trong thời gian này, các đảng cộng sản ra sức phấn đấu lập mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp thành lập từ tháng 5-1935 do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, dẫn đến sự ra đời của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Chính phủ này ban bố nhiều quyền tự do dân chủ, trong đó có những quyền được áp dụng ở thuộc địa, tạo ra không khí chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân các nước trong hệ thống thuộc địa Pháp.

- Ở Đông Dương, mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ nhằm thoát khỏi tình trạng ngột ngạt do khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng do thực dân Pháp gây ra. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi hệ thống tổ chức sau một thời gian đấu tranh cực kỳ gian khổ.

***\* Chủ trương của Đảng***

- Tháng 7-1936, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì.

- Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- Chủ trương “lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ”.

- Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp.

- Các Hội nghị lần thứ ba (3-1937) và lần thứ tư (9-1937) Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3-1938 nhấn mạnh “lập Mặt trận dân chủ thống nhất là một nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại.

- Cùng với việc đề ra chủ trương cụ thể, trước mắt để lãnh đạo phong trào dân chủ 1936-1939, Ban chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và điền địa. Chỉ thị của Ban Trung ương *Gửi các tổ chức của Đảng* (26-7-1936) chỉ rõ: ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào dân tộc”.

- Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách* *mới* (tháng 10-1936), Đảng nêu quan điểm: Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Giải quyết mối quan hệ hai cuộc cách mạng đó như thế nào phải phụ thuộc vào hoàn cảnh hiện thực của Đông Dương. Với văn kiện này, Trung ương Đảng đã nêu cao tinh thần đấu tranh, thẳng thắn phê phán quan điểm chưa đúng và bước đầu khắc phục hạn chế trong *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng)*. Đó cũng là nhận thức mới, phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

***\* Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình***

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú:

- Đảng phát động một phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, mở đầu bằng cuộc vận động lập “Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội” nhằm thu thập nguyện vọng quần chúng, tiến tới triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, quần chúng sôi nổi tổ chức các cuộc mít tinh, hội họp để tập hợp “dân nguyện”. Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, từ thành thị đến nông thôn đã lập ra các “Ủy ban hành động” để tập hợp quần chúng. Riêng ở Nam Kỳ có 600 ủy ban hành động.

-Đầu năm 1937, nhân dịp phái viên của chính phủ Pháp là Gôđa (Godard) đi kinh lý Đông Dương và Brêviê (Brévié) sang nhận chức toàn quyền Đông Dương, Đảng vận động hai cuộc biểu dương lực lượng quần chúng dưới danh nghĩa “đón rước”, mít tinh, biểu tình, đưa đơn “dân nguyện”.

-Các báo chí tiếng Việt và tiếng Pháp của Đảng, Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra đời. Nhiều sách chính trị phổ thông được xuất bản để giới thiệu chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách mới của Đảng. Cuốn *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh (Trường Chinh) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp) tố cáo tội ác của đế quốc và phong kiến đối với nông dân và làm rõ vai trò quan trọng của nông dân trong cách mạng. Cuốn *Chủ nghĩa Các Mác* của Hải Triều được in và phát hành năm 1938. Ngoài ra còn một số cuốn sách giới thiệu về Liên Xô, cách mạng Trung Quốc, Mặt trận nhân dân Pháp và Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha.

-Theo sáng kiến của Đảng, *Hội truyền bá quốc ngữ* ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.

-Các hình thức tổ chức quần chúng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu. Trong những năm 1937-1938, Mặt trận Dân chủ còn tổ chức các cuộc vận động tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939), thực dân Pháp đàn áp cách mạng. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc. Đó thực sự là một phong trào cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi, nhằm thực hiện mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Qua cuộc vận động dân chủ, Đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện.

Phong trào để lại thêm nhiều kinh nghiệm mới. Đó là kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược: giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt; về xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất; về kết hợp các hình thức tổ chức và đấu tranh.

Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đã làm cho trận địa và lực lượng cách mạng được mở rộng ở cả nông thôn và thành thị, thực sự là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

**3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945**

***a. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng (1939-1941)***

**\* Bối cảnh lịch sử**

+ Thế giới:

- Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Đalađiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ. Ở Đông Dương, bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người…

- Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ Đờ Gôn (De Gaulle) bỏ chạy. Chính phủ phản động Pêtanh (Pétain) lên cầm quyền. Tháng 6-1941, Đức tiến công Liên Xô. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân phiệt Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền.

+ Đông Dương :

- Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc. Tháng 9-1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, mâu thuẫn xã hội phát triển sâu sắc, đòi hỏi cần phải giải quyết cấp bách.

**\* chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng**

*+ Thể hiện ở các văn kiện :*

- Thông cáo của ĐCSĐD, ngày 29-9-1939, “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 6, họp tháng 11-1939, tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

- Hội nghị Trung ương 7, thán 11/ 1940, tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh).

- Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 5-1941, ở Pắc Pó Cao Bằng, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

*+ Nội dung chủ trương:*

1. Đảng khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược của CMVN là đúng đắn và không thay đổi, lúc này Đảng chuyển hướng chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ chống phong kiến được thực hiện từng bước phục vụ cho nhiệm vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

+ Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) đã phân tích tình hình và quyết định chuyển hướng chiến lược: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”. Tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” mà thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày.

+Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) khẳng định: Cách mạng ĐD lúc này không phải là cuộc cách mạng TSDQ, giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp là “dân tộc giải phóng”. Để tập trung cho nhiệm vụ GPDT, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

2. Chủ trương thành lập MTDTTN nhằm tập hợp mọi lực lượng, phục vụ cho nhệm vụ giải phóng dân tộc.

+ Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (thay cho mặt trận dân chủ ĐD), thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.

+ Từ việc khẳng định vấn đề dân tộc được giải quyết trong khuôn khổ từng nước ĐD, Hội nghị TƯ 8, quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung. Ở VN chủ trương thành thập Hội VNĐLĐM gọi tắt là Việt Minh, nòng cốt của mặt trận là các đoàn thể Cứu quốc, nhằm đoàn kết mọi lực lượng, tranh thủ mọi lực lượng để GPDT.

3. Vấn đề khởi nghĩa vũ trang

Hội nghị Trung ương lần 7 (tháng 11-1940) quyết định đưa khởi nghĩa vũ trang vào chương trình nghị sự. Hội nghị quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn và chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, vì chưa đủ điều kiện.

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941), khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện tại. Phải chuẩn bị về lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa cách mạng… để khi thời cơ đến sẽ tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị đã đưa ra phương châm khởi nghĩa: đi từ khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương thắng lợi, tiến tới một cuộc tổng khởi nghĩa giàng chính quyền.

4. Mô hình nhà nước

+ Hội nghị Trung ương 6 chủ trương nếu cách mạng thành công sẽ thành lập Liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương.

+ *Hội nghị Trung ương 8 (5/1941*) khẳng định thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ “tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý”. Đối với VN, Hội nghị chủ trương: sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ. Chọn Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh.

+ Vấn đề xây dựng Đảng

Các hội nghị Trung ương của Đảng đều chú trọng công tác xây dựng Đảng như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuẩn bị cho CMT8.

**\* *Ý nghĩa của chủ trương***

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

***b. Đảng Lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1941-1945)***

**\* Phong trào chống Pháp-Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cách mạng**

- Ngày 27-9-1940, Nhật tấn công quân Pháp ở Lạng Sơn, quân Pháp thua, phải rút chạy qua đường Bắc Sơn-Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.

- Sau Hội nghị Trung ương 7 (11/1940), chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, chủ trương chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm ngày 23-11-1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bốt và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở một số địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ, mở các phiên tòa để xét xử phản cách mạng… Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp khốc liệt, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, phong trào cách mạng Nam kỳ gặp khó khăn trong nhiều năm sau.

- Khói lửa của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chưa tan, ngày 13-1-1941, một cuộc binh biến nổ ra ở đồn Chợ Rạng (huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.

Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là “những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”.

- Sau Hội nghị Trung ương 8, Pháp-Nhật ngày càng tăng cường đàn áp cách mạng Việt Nam. Ngày 26-8-1941, thực dân Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hóc Môn, Gia định. Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo. Tháng 8-1942, Nguyễn Ái Quốc trên đường đi công tác ở Trung Quốc cũng bị quân Trung Hoa dân quốc bắt giữ hơn một năm (từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943). Trước quân thù tàn bạo các chiến sĩ cộng sản đã nêu cao ý chí kiên cường bất khuất và giữ vững niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cách mạng.

- Ngày 25-10-1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ: “Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời”. Chương trình Việt Minh đáp ứng nguyện vọng cứu nước của mọi giới đồng bào, nên phong trào Việt Minh phát triển rất mạnh, mặc dù bị kẻ thù khủng bố gắt gao.

- Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên), đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa trong tương lai có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù.

- Đảng và Việt Minh cho xuất bản nhiều tờ báo: *Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập, Bãi Sậy, Đuổi giặc nước, Tiền phong, Kèn gọi lính, Quân giải phóng, Kháng địch, Độc lập*, v.v… Trong các nhà tù đế quốc, những chiến sĩ cách mạng cũng sử dụng báo chí làm vũ khí đấu tranh, ra các tờ báo *Suối reo* (Sơn La), *Bình Minh* (Hòa Bình), *Thông reo* (Chợ Chu), *Dòng sông Công* (Bá Vân)…

- Năm 1943, Đảng công bố bản *Đề cương văn hóa Việt Nam*, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng. Cuối năm 1944, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời, thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào mặt trận đấu tranh giành độc lập, tự do.

- Đảng vận động và giúp đỡ một số sinh viên, trí thức yêu nước thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam (6-1944). Đảng này tham gia Mặt trận Việt Minh và tích cực hoạt động, góp phần mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Ở Bắc Sơn-Võ Nhai, Cứu quốc quân tiến hành tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên… Từ Cao Bằng, khu căn cứ được mở rộng sang các tỉnh Hà Giang, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Các đoàn xung phong Nam tiến đẩy mạnh hoạt động, mở một hành lang chính trị nối liền hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn-Vũ Nhai (cuối năm 1943). Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị *Sửa soạn khởi nghĩa*. Không khí chuẩn bị cho khởi nghĩa sôi nổi trong khu căn cứ.

- Cuối năm 1944, ở Cao-Bắc-Lạng, cấp ủy địa phương gấp rút chuẩn bị phát động chiến tranh du kích trong phạm vi ba tỉnh. Lúc đó, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở lại Cao Bằng, kịp thời quyết định đình chỉ phát động chiến tranh du kích trên quy mô rộng lớn vì chưa đủ điều kiện. Tiếp đó, Hồ Chí Minh ra *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang. Bản Chỉ thị này có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng.

- Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở Cao Bằng. Ba ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (25-12-1944) và Nà Ngần (26-12-1944). Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao-Bắc-Lạng.

**\* Cao trào kháng nhật cứu nước:**

***- Điều kiện lịch sử:***

+ Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến như vũ bão về phía Béclin. Ở Tây Âu, Anh-Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp và tiến về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng, chính phủ Đờ Gôn về Paris.

+ Ở mặt trận Thái Bình Dương, quân Anh đánh vào Miến Điện. Quân Mỹ đổ bộ lên Philippin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam Á bị quân Đồng minh khống chế, nên Nhật phải giữ con đường duy nhất từ Mãn Châu qua Đông Dương xuống Đông Nam Á. Tháng 2-1945, nước Pháp được quân Đồng minh Anh-Mỹ giải phóng khỏi ách chiếm đóng của phát xít Đức, Chính phủ Đờ Gôn trở về Paris. Thực dân Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị, chờ quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của Pháp. “*Cả hai quân thù Nhật-Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt cùng nhau*”.

+ Ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt rồi đầu hàng nhanh chóng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị của Nhật.

+ Ngày 11/3/1945 vua Bảo đại ký *Đạo dụ “*Tuyên cáo VN độc lập”. Tuyên cáo hủy bỏ mọi rang buộc chính trị giữa Việt Nam và Pháp, hủy bỏ Hòa ước Patenotre (1884), cùng các hiệp ước nhận bảo hộ và từ bỏ chủ quyền khác đã ký với Pháp, công nhận vai trò lãnh đạo của Nhật tại vùng Đông Á. Trên cơ sở Đạo dụ này, chính phủ Trần Trong Kim được thành lập ngày 7/4/1945. Nội các Trần Trọng Kim ra *Tuyên cáo*, kêu gọi “quốc dân phải gắng sức làm việc, chịu nhiều hy sinh hơn nữa và phải thành thực hợp tác với nước Đại Nhật Bản trong sự kiến thiết nền Đại Đông Á, vì cuộc thịnh vượng chung của Đại Đông Á có thành thì sự độc lập của nước ta mới không phải là giấc mộng thoáng qua”.

*-* ***Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945)***

Dự đoán đúng tình hình, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) ngay trước lúc Nhật nổ sung lật đổ Pháp để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “*Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”.

+ Đảng chỉ rõ bản chất hành động của Nhật ngày 9-3-1945 là một cuộc đảo chính chứ không phải là một cuộc cách mạng; từ đó, xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phát xít Nhật;.

+ Chỉ thị thay khẩu hiệu “*đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp*” bằng khẩu hiệu “*đánh đuổi phát xít Nhật*”, nêu khẩu hiệu “thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” để chống lại chính phủ thân Nhật.

+ Chỉ thị quyết định phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, đồng thời sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện.

+ Dự đoán thời cơ cách mạng: chỉ thị đưa ra ba khả năng:

 Thứ nhất, chính trị khủng hoảng (quân thù không rảnh tay đối phó với cách mạng).

Thứ hai, nạn đói ghê gớm (quần chúng oán ghét quân cướp nước).

Thứ ba, chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt (Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật)", chúng ta sẽ lợi dụng sơ hở của Nhật, lãnh đạo quần chúng giành chính quyền.

Bản chỉ thị ngày 12 -3-1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

*-* ***Diễn biến của cao trào:***

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Việt Minh, từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng thượng du và trung du Bắc kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang… Khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) thắng lợi, đội du kích Ba Tơ được thành lập và xây dựng căn cứ Ba Tơ.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức *Ủy ban giải phóng Việt Nam*.

Ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang). Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang thành *Việt Nam giải phóng quân*, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị đại hội quốc dân, thành lập “khu giải phóng”. Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước.

Trong các đô thị, nhất là những thành phố lớn, các đội danh dự Việt Minh đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân thành thị và xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc.

Ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã “thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hừng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền”.*.* Tại nhiều địa phương, quần chúng tự vũ trang, xung đột với binh lính và chính quyền Nhật, biến thành những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ.

Báo chí cách mạng của Đảng và mặt trận Việt Minh đều ra công khai, gây ảnh hưởng chính trị vang dội.

Từ nhiều lao tù thực dân, những chiến sĩ cộng sản vượt ngục ra ngoài hoạt động, bổ sung thêm đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng.

Cao trào kháng Nhật cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức… mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng. Binh lính, cảnh sát của chính quyền thân Nhật dao động, một số ngả theo cách mạng. Nhiều lý trưởng, chánh, phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh… Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Thực chất của cao trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc tập dượt vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

**\* Tổng khởi nghĩa giành chính quyền:**

***- Điều kiện lịch sử:***

+ Giữa tháng 8-1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Phát xít Đức đầu hàng Đồng minh, Liên Xô tuyên chiến với Nhật, đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Mỹ ném hai quả bon nguyên tử xuống các thành phố Hirôsima và Nagazaki. Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng xuất hiện.

+ Theo quyết định của Hội nghị Pốt xđam (Posdam, 7-1945), quân đội Trung Hoa dân quốc vào Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra và quân đội của Liên hiệp Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào để giải giáp quân đội Nhật. Pháp toan tính, với sự trợ giúp của Anh, sẽ phục hồi bộ máy cai trị cũ ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Trung Hoa dân quốc muốn có một chính quyền người Việt Nam từ Trung Quốc kéo về ở miền Bắc.

+ Từ chỗ hợp tác với Việt Minh chống quân phiệt Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ Mỹ không ngần ngại quay lưng lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Tại Hội nghị Ianta (2-1945), Tổng thống Mỹ Rooseveld hoàn toàn “nhất trí với đề nghị chỉ để các thuộc địa dưới quyền uỷ trị nếu “mẫu quốc” đồng ý. “Mẫu quốc” của Đông Dương không ai khác là nước Pháp. Từ đó, Mỹ ngày càng nghiêng về phía Pháp, ủng hộ Pháp trở lại xâm lược Đông Dương, nhất là sau khi Rooseveld qua đời (12-4-1945) và Harry Truman bước vào Nhà Trắng. Mùa hè năm 1945, Mỹ cam kết với De Gaulle rằng sẽ không cản trở việc Pháp phục hồi chủ quyền ở Đông Dương.

+ Trong khi đó, những thế lực chống cách mạng ở trong nước cũng tìm cách thay thầy đổi chủ. Một số người trong Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim quay sang tìm kiếm sự trợ giúp của một số cường quốc, với hy vọng giữ chế độ quân chủ. Tại cuộc họp ở cung điện Huế, ngày 17-8-1945, do Bảo Đại làm chủ toạ, Trần Văn Chương đọc các bản dự thảo thông điệp của nhà Vua kêu gọi sự giúp đỡ của các nước Mỹ, Anh, Trung Hoa dân quốc, và Pháp để “bảo vệ nền độc lập giành được từ trong tay Nhật”.

***- Chỉ đạo của Đảng***

+ Nắm bắt được tình hình trên, ngày 12-8-1945, *Ủy ban lâm thời khu giải phóng* hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập *Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc*. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

+ Ngày 14 và 15-8-1945 *Hội nghị toàn quốc* của Đảng họp ở Tân Trào, tập trung phân tích tình hình và dự đoán:

1. Nhận định: “Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương”.

2. Hội nghị quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

3. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: *Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!* Hội nghị xác định ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là *tập trung, thống nhất và kịp thời*.

4. Phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chộp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập *ủy ban nhân dân* ở những nơi đã giành được quyền làm chủ…

5. Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền.

- Ngày16-8-1945, *Đại hội quốc dân* họp tại Tân Trào. Đại hội có khoảng 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, các dân tộc, tôn giáo trong nước và đại biểu kiều bào ở nước ngoài tham dự. Đại hội tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập *Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

- Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta…

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước nhất tề vùng dậy ở cả thành thị và nông thôn, với ý chí dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập.

-Từ ngày 14 đến ngày 18-8-1945, tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, nhưng do nắm vững tinh thần các nghị quyết, chỉ thị trước đó của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn, đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động, lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

-Từ ngày 14-8-1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn binh Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái v.v… hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Từ ngày 14 đến ngày 18-8, ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện.

-Tại Hà Nội, ngày 17-8, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành biến cuộc mít tinh đó thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh. Các đội viên tuyên truyền xung phong bất ngờ giương cao cờ đỏ sao vàng, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa. Hàng vạn quần chúng dự mít tinh nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh. Cuộc mít tinh biến thành một cuộc biểu tình tuần hành biểu dương lực lượng. Thành ủy Hà Nội nhận định đã có đủ điều kiện để phát động tổng khởi nghĩa.

- Sáng ngày 19-8, tại thủ đô Hà Nội quần chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố để dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Trước khí thế áp đảo của quần chúng, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội vang dội nhanh chóng đến nhiều tỉnh và thành phố khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cả nước, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở nhiều nơi thêm hoảng hốt, tạo điều kiện thuận lợi lớn cho quá trình tổng khởi nghĩa.

-Ngày 23-8, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế huy động quần chúng từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân trong nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.

- Ở Nam Kỳ, được tin Hà Nội và Tân An (tỉnh khởi nghĩa thí điểm của Xứ ủy) đã giành được chính quyền, Xứ ủy Nam kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh. Đêm 24-8, các lực lượng khởi nghĩa với gậy tầm vông, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Những cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các đô thị đập tan các cơ quan đầu não của kẻ thù có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong cả nước.

-Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Sáng ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng, thống nhất những chủ trương đối nội và đối ngoại trong tình hình mới; đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần của Chính phủ lâm thời, chuẩn bị ra Tuyên ngôn Độc lập, và tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chế độ dân chủ cộng hoà.

- Trong cuộc họp ngày 27-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Một số thành viên là người của mặt trận Việt Minh tự nguyện rút khỏi Chính phủ, trong đó có Tổng Bí thư Trường Chinh, để mời thêm nhân sĩ ngoài Việt Minh tham gia.

- Ngày 30-8-1945, tại cuộc mít tinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngọ Môn, thành phố Huế, Bảo Đại thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong *Tuyên cáo của Hoàng đé Việt Nam thoái vị*, Bảo Đại nói, “sau hai mươi năm ngai vàng bệ ngọc đã biết bao ngậm đắng nuốt cay, từ nay… lấy làm vui được *làm dân tự do* của một nước độc lập”.

Trong tình hình hết sức khẩn trương, Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định sớm tổ chức lễ Tuyên bố độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mọi công việc việc chuẩn bị được tiến hành tại một căn phòng trên gác nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội. Hồ Chí Minh đã thực hiện trách nhiệm lịch sử trọng đại là soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới. Để phát huy trí tuệ tập thể, ngày 30-8-1945, Hồ Chí Minh mời một số cán bộ trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các vị bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời đến trao đổi, góp ý kiến cho bản dự thảo *Tuyên ngôn Độc lập*.

Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Bản tuyên ngôn nêu rõ:

“Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

*Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do.

***4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945***

*\*Tính chất:*

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc *cách mạng giải phóng dân tộc điển hình*, thể hiện ở nhiệm vụ, lực lượng và thành quả của cách mạng.

*Thứ nhất, tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc*, giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai.

*Thứ hai, lực lượng* *cách mạng bao gồm toàn dân tộc*, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

*Thứ ba, thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc*” theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hoà dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, “còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều thảy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”.

- Cách mạng tháng Tám năm còn có *tính chất dân chủ mới*, thể hiện cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít. “Nó chống lại phát xít Nhật và bọn tay sai phản động, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược”.

*Thứ hai, cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân*, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc*.* Do Cách mạng tháng Tám, một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô dược tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xoá bỏ.

Tuy nhiên, Cách mạng Tháng Tám “chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng”, “chưa xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. Chính vì thế Cách mạng tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc”.

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng mang tính nhân văn rất sâu sắc, hoàn thành một bước hết sức cơ bản trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

*\*Ý nghĩa:*

- *Đối với Việt Nam*, Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình.

Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật, không hợp pháp trở thành một đảng cầm quyền. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới CNXH.

-*Về mặt quốc tế*, Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám không chỉ là chiến công của dân tộc Việt Nam mà còn là là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở “chính quốc” lên nắm chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận và kinh nghiệm của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

*Kinh nghiệm:*

Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu.

*Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược*, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

*Thứ hai, về xây dựng lực lượng*: Trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

*Thứ ba, về phương pháp cách mạng*: Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị.

*Thứ tư, về xây dựng Đảng*: Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn, một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hoá của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.